TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1185/2026/DS-ST
Ngày: 22/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm.

- **Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Ông Đinh Hoàng Việt;

2/ Ông Nguyễn Trọng Thiện.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 914/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thanh P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1996 (theo giấy ủy quyền công chứng số 5030/2025/CCGD ngày 11/09/2025).

(có mặt).

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kiều M1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: E N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, nội dung các bản tự khai, lời trình bày trong quá trình hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà M1 đề xuất vay tiền của ông P nhằm phục vụ công việc cá nhân tính từ ngày 10/10/2023 đến ngày 21/11/2023 với tổng số tiền là 1.050.000.000 đồng.

Tính từ thời điểm ngày 10/10/2023 đến ngày 17/12/2023, bà M1 đã vay tiền của ông theo giấy mượn tiền ngày 21/11/2023 và sau đó bà M1 thỏa thuận vay thêm số tiền 346.770.000 đồng, số tiền bà M1 vay của ông P tổng cộng là 1.396.770.000 đồng. Ngày 05/06/2025, ông đã gửi Thông báo đề nghị bà M1 thanh toán số tiền nợ trên, thời hạn thực hiện đến trước ngày 20/06/2025. Tuy nhiên, bà M1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P.

Vì vậy, ông P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4 giải quyết, buộc bà M1 phải thanh toán cho ông P toàn bộ tiền nợ gốc tính từ ngày 10/10/2023 đến ngày 17/12/2023 với tổng số tiền là 1.396.770.000 đồng (ông không yêu cầu tính lãi).

Ngày 05/5/2026, ông P đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà M1 trả số tiền 1.050.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 21/11/2023.

Bị đơn – bà Bùi Thị Kiều M1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả cho ông Phan Thanh P số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng. Trả ngay một lần toàn bộ số tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn- bà Bùi Thị Kiều M1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung, đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả cho ông Phan Thanh P số tiền 1.050.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả cho ông Phan Thanh P số tiền 346.770.000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu. Do đó, có cơ sở xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào địa chỉ ghi trên giấy mượn nợ và xác minh của Công an phường T thì bà M1 có địa chỉ thường trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn: Ông Phan Thanh P; bị đơn: Bà Bùi Thị Kiều M1.

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 20/11/2025, số công chứng 6644/2025/CCGD, công chứng tại Văn phòng C thì việc ủy quyền là hợp pháp, nên ông Lê Hoàng M có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[1.4] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả cho ông Phan Thanh P số tiền 346.770.000 đồng. Xét sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên Hội đồng ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy mượn tiền ngày 21/11/2023 ký giữa ông Phan Thanh P và bà Bùi Thị Kiều M1 thể hiện bà M1 vay của ông P số tiền 1.050.000.000 đồng. Từ khi ký giấy mượn tiền đến nay bà M1 chưa trả cho ông P khoản tiền nào. Sau đó ông P đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo cho bà M1 để đòi nợ nhưng bà M1 vẫn không trả. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông P khởi kiện yêu cầu bà M1 trả số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Thời hạn thực hiện: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với nguyên đơn. Theo đó, bà M1 phải chịu án phí.

H lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phan Thanh P đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị Kiều M1 trả cho ông Phan Thanh P số tiền 346.770.000 (ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Bùi Thị Kiều M1 phải trả cho ông Phan Thanh P số tiền 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Kiều M1 phải chịu số tiền 43.500.000 (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho ông Phan Thanh P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.951.550 (hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi) đồng theo

biên lai thu số 0024841 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Sâm